

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đề cương thực hiện 02 nhiệm vụ: “Điều tra bảo tồn loài Sơn dương” và “Điều tra và bảo tồn hệ động vật không xương sống” tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, tỉnh Thanh Hoá**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học; số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về ban hành tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 149/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 về phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 về phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 về phê duyệt Chương trình Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; số 208/QĐ-TTg ngày 29/02/2024 về việc phê duyệt Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 về quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật lâm nghiệp; số 05/2024/TT-BNNPTNT ngày 19/4/2024 về quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng; số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;*

*Căn cứ Quyết định số 5107/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, giai đoạn 2021-2030;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1184/TTr-SNNMT ngày 16/9/2025 (kèm theo Văn bản số 8242/TTr-STC ngày 25/8/2025 của Sở Tài chính và các hồ sơ có liên quan).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đề cương thực hiện 02 nhiệm vụ: “Điều tra bảo tồn loài Sơn dương” và “Điều tra và bảo tồn hệ động vật không xương sống” tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, tỉnh Thanh Hoá, với các nội dung chủ yếu sau:

### **I. Đề cương nhiệm vụ: “Điều tra bảo tồn loài Sơn dương tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, tỉnh Thanh Hoá”**

**1. Đơn vị thực hiện:** Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

**2. Phạm vi, địa điểm thực hiện:** Thực hiện tại vùng lõi Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu với tổng diện tích 24.200,87 ha và các bản vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

**3. Thời gian thực hiện nhiệm vụ:** 03 năm (2025-2027).

#### **4. Mục tiêu nhiệm vụ**

**4.1. Mục tiêu chung:** Đánh giá được hiện trạng phân bố tự nhiên, các tác động đối với loài Sơn dương tại Khu bảo tồn nhằm đưa ra các giải pháp bảo tồn phù hợp; nâng cao nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học; định hướng xây dựng kế hoạch quản lý, bảo tồn đối với loài Sơn dương, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

#### **4.2. Mục tiêu cụ thể:**

- Nâng cao được năng lực điều tra, giám sát và bảo tồn các loài Sơn dương cho cán bộ Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu và cán bộ các xã vùng đệm.

- Xác định được hiện trạng phân bố, sinh cảnh sống; theo dõi, giám sát tình hình biến động về quần thể, cá thể loài Sơn dương có phân bố tự nhiên trong Khu bảo tồn.

- Xác định được các tác động đến môi trường sống và quần thể loài Sơn dương; tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương các xã vùng đệm về bảo tồn loài Sơn dương.

- Xây dựng kế hoạch hành động và đề xuất các giải pháp bảo tồn loài Sơn dương tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

## **5. Nội dung nhiệm vụ**

5.1. Thu thập thông tin, tư liệu có liên quan phục vụ nhiệm vụ

5.2. Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ

5.3. Thống nhất biện pháp kỹ thuật về điều tra

5.4. Điều tra hiện trạng quần thể, cá thể, phân bố và sinh cảnh sống của loài Sơn dương:

a) Công tác chuẩn bị:

- Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ.
- Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ.
- Phân tích thiết kế hệ thống mẫu điều tra.
- Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật.

b) Công tác thực địa

- Xây dựng các tuyến và điểm điển hình điều tra loài Sơn dương ngoài thực địa.
- Điều tra đặc điểm hiện trạng phân bố, xác định số lượng cá thể, quần thể loài Sơn dương tại khu vực điều tra.
- Điều tra, xác định sinh cảnh sống của loài Sơn dương.
- Điều tra khảo sát hiện trạng phân bố, xác định số lượng cá thể, quần thể loài Sơn dương bằng phương pháp đặt bẫy ảnh tự động.

c) Công tác nội nghiệp

- Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra.
- Tính toán số liệu điều tra loài Sơn dương trên tuyến điều tra.
- Tính toán số liệu trên tuyến, điểm điều tra.
- Xây dựng bản đồ hiện trạng phân bố của loài Sơn dương trên các sinh cảnh sống tại Khu bảo tồn.
- Phân tích, xử lý số liệu, tài liệu và các thông tin liên quan trong quá trình điều tra, khảo sát thực địa về hiện trạng phân bố, sinh cảnh sống của loài Sơn dương tại Khu bảo tồn.
- Xây dựng báo cáo chuyên đề 1: Hiện trạng quần thể, phân bố và sinh cảnh sống của loài Sơn dương.

5.5. Điều tra quần thể, cá thể, phân bố và sinh cảnh sống của loài Sơn dương để xác định sự biến đổi về số lượng quần thể, cá thể và sinh cảnh sống

a) Công tác chuẩn bị

- Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ.
- Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ.
- Phân tích thiết kế hệ thống mẫu điều tra.

- Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật.

b) Công tác thực địa

- Xây dựng các tuyến, điểm điều tra giám sát loài Sơn dương trên các tuyến, điểm đã được thiết lập.

- Thực hiện các hoạt động giám sát tại khu vực có phân bố tự nhiên trong Khu bảo tồn, để đánh giá sự biến đổi về số lượng cá thể, quần thể và sinh cảnh sống của loài Sơn dương.

c) Công tác nội nghiệp

- Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra.

- Tính toán số liệu điều tra loài Sơn dương trên tuyến điều tra.

- Tính toán số liệu trên tuyến, điểm điều tra.

- Xây dựng báo cáo chuyên đề 2: Điều tra quần thể, cá thể, phân bố và sinh cảnh sống của loài Sơn dương để xác định sự biến đổi về số lượng quần thể, cá thể và sinh cảnh sống.

5.6. Thu thập số liệu về đánh giá tác động đa dạng sinh học; suy giảm đa dạng sinh học và các tiêu cực khác đối với loài Sơn dương

- Thu thập số liệu về đánh giá tác động đa dạng sinh học.

- Điều tra thu thập số liệu về suy giảm đa dạng sinh học và các tiêu cực khác đối với loài Sơn dương.

- Xây dựng báo cáo chuyên đề 3: Đánh giá tác động đa dạng sinh học; suy giảm đa dạng sinh học và các tiêu cực khác đối với loài Sơn dương.

5.7. Giải pháp bảo tồn và phát triển loài Sơn dương tại Khu bảo tồn

- Xây dựng kế hoạch hành động bảo tồn và đề xuất các giải pháp bảo tồn đối với loài Sơn dương.

- + Xây dựng bản Kế hoạch hành động bảo tồn đối với loài Sơn dương, đề xuất các giải pháp ngắn hạn và dài hạn về công tác bảo tồn loài Sơn dương tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

- + Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở về kế hoạch hành động.

- + Chỉnh sửa tài liệu, hoàn thiện kế hoạch hành động.

- + Tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch và thực hiện các hoạt động giám sát thực hiện kế hoạch.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các đối tượng trên địa bàn quản lý về bảo tồn loài Sơn dương.

5.8. Mua sắm dụng cụ, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ

- Dụng cụ phục vụ nghiên cứu: Giày tất, võng kèm màn, đèn pin soi đêm.

- Thiết bị máy móc phục vụ nghiên cứu: Bẫy ảnh tự động.

### 5.9. Nghiệm thu, tổng kết nhiệm vụ

- Đánh giá được hiệu quả và các tác động của Nhiệm vụ theo các nội dung được phê duyệt của Nhiệm vụ.
- Tổng hợp, xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm vụ.
- Đánh giá, nghiệm thu các sản phẩm của nhiệm vụ theo quy định.
- Quyết toán Nhiệm vụ theo quy định.

### 6. Sản phẩm của nhiệm vụ

- Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (Kèm theo báo cáo tóm tắt).
- Hệ thống các báo cáo chuyên đề:
  - + Báo cáo chuyên đề 1: Hiện trạng quần thể, phân bố và sinh cảnh sống của loài Sơn dương.
  - + Báo cáo chuyên đề 2: Điều tra quần thể, cá thể, phân bố và sinh cảnh sống của loài Sơn dương để xác định sự biến đổi về số lượng quần thể, cá thể và sinh cảnh sống
  - + Báo cáo chuyên đề 3: Đánh giá tác động đa dạng sinh học; suy giảm đa dạng sinh học và các tiêu cực khác đối với loài Sơn dương
  - + Báo cáo chuyên đề 4: Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các đối tượng trên địa bàn quản lý về bảo tồn loài Sơn dương.
- Các sản phẩm khác:
  - + Kế hoạch hành động bảo tồn và đề xuất các giải pháp bảo tồn đối với loài Sơn dương tại Khu bảo tồn.
  - + Bộ bản đồ mô phỏng các điểm ghi nhận sự phân bố của loài Sơn dương tại Khu bảo tồn (tỷ lệ 1/25.000).
  - + 01 đĩa DVD lưu trữ toàn bộ tài liệu và các thông tin liên quan đến nhiệm vụ.
  - + 4.000 tờ gấp, 3.500 poster được xây dựng cấp phát đến cộng đồng; Quyết định thành lập câu lạc bộ bảo tồn và quy chế hoạt động của câu lạc bộ bảo tồn.
  - + 01 bài báo về kết quả thực hiện một số hoạt động của nhiệm vụ được đăng trên tạp chí có uy tín.

### 7. Dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ

- Tổng kinh phí thực hiện trong 03 năm (2025-2027): 2.951.974.000 đồng (*Hai tỷ, chín trăm năm mươi một triệu, chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng*). Trong đó, kinh phí thực hiện năm 2025 là 1.000.000.000 đồng, đã được giao tại Quyết định số 5107/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh.
- Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh hằng năm.

## **II. Đề cương nhiệm vụ: “Điều tra và bảo tồn hệ động vật không xương sống tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, tỉnh Thanh Hoá”**

**1. Đơn vị thực hiện:** Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

**2. Phạm vi, địa điểm thực hiện:** Thực hiện tại vùng lõi Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu với tổng diện tích 24.200,87 ha và các bản vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

**3. Thời gian thực hiện nhiệm vụ:** 03 năm (2025-2027).

### **4. Mục tiêu nhiệm vụ**

**4.1. Mục tiêu chung:** Nhằm điều tra xác định được danh lục các loài động vật không xương sống (ĐVKXS) tại Khu bảo tồn; điều tra xác định phân bố tự nhiên đối với các loài ĐVKXS nguy cấp, quý, hiếm và trong sách đỏ Việt Nam; xác định được một số sinh cảnh chính có phân bố tự nhiên của các loài Côn trùng có ích; Nâng cao nhận thức cho người dân vùng đệm và đề xuất được các giải pháp bảo tồn các loài Côn trùng có ích, góp phần bảo tồn ĐDSH tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

### **4.2. Mục tiêu cụ thể:**

- Nâng cao được năng lực điều tra phân bố, nhận diện một số loài ĐVKXS cho cán bộ Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu và cán bộ các xã vùng đệm.
- Điều tra, lập được danh lục hệ ĐVKXS (nhóm động vật giun; nhóm động vật thân mềm; nhóm động vật chân khớp trong đó tập trung vào các loài Côn trùng).
- Xác định được một số trạng thái rừng chính có phân bố tự nhiên của các loài Côn trùng có ích.
- Đề xuất các giải pháp bảo tồn đối với các loài ĐVKXS nguy cấp, quý, hiếm và trong sách đỏ Việt Nam, trong có đó giải pháp cụ thể để bảo tồn các loài Côn trùng có ích tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.
- Điều tra, xác định phân bố tự nhiên theo trạng thái rừng chủ yếu; xác định các nguy cơ đe dọa đến các loài ĐVKXS nguy cấp, quý, hiếm; trong sách đỏ Việt Nam.
- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng và chính quyền địa phương các xã vùng đệm về bảo tồn các loài ĐVKXS nguy cấp, quý, hiếm và trong sách đỏ Việt Nam và các loài Côn trùng có ích.

### **5. Nội dung nhiệm vụ**

- 5.1. Thu thập thông tin, tư liệu có liên quan phục vụ nhiệm vụ
- 5.2. Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ
- 5.3. Thống nhất biện pháp kỹ thuật về điều tra
- 5.4. Điều tra, lập được danh lục hệ ĐVKXS

a) Công tác chuẩn bị.

- Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ.
- Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ.
- Phân tích thiết kế hệ thống mẫu điều tra.
- Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật (Chuẩn bị dung dịch, dụng cụ đựng mẫu, túi đựng ... để làm các mẫu vật đối với các loài ĐVKXS trên thực địa).

b) Công tác thực địa

- Xây dựng các tuyến, điểm điều tra các loài ĐVKXS tại các Tiểu khu rừng.
- Sử dụng dụng cụ và trang thiết bị bẫy bắt mẫu các loài ĐVKXS tại một số tuyến, điểm điều tra.
- Thống kê thu thập thông tin số lượng các loài ĐVKXS tại khu vực điều tra.

c) Công tác nội nghiệp:

- Lập danh lục hệ ĐVKXS (nhóm động vật giun; nhóm động vật thân mềm; nhóm động vật chân khớp trong đó tập trung vào các loài Côn trùng).
- Xây dựng mẫu tiêu bản các loài ĐVKXS phổ biến.
- Xây dựng 01 album ảnh cho các loài ĐVKXS phổ biến.

5.5. Điều tra, xác định phân bố tự nhiên theo trạng thái rừng chủ yếu; thu thập số liệu về đánh giá tác động đa dạng sinh học, số liệu về suy giảm tính đa dạng sinh học và các tác động tiêu cực khác đối với ĐVKXS

\* Điều tra, xác định phân bố tự nhiên theo trạng thái rừng chủ yếu đối với các loài ĐVKXS sống quý, hiếm và trong sách đỏ Việt Nam

a) Công tác chuẩn bị:

- Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ.
- Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ.
- Phân tích thiết kế hệ thống mẫu điều tra.
- Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật.

b) Công tác thực địa:

- Xây dựng các tuyến, điểm điều tra các loài thuộc các loài ĐVKXS nguy cấp, quý, hiếm và trong sách đỏ Việt Nam được thiết lập qua các trạng thái rừng chủ yếu.

- Điều tra đặc điểm hiện trạng phân bố: Xác định số lượng cá thể, quần thể của các loài ĐVKXS nguy cấp, quý, hiếm và trong sách đỏ Việt Nam tại khu vực điều tra.

- Điều tra, khoanh vẽ bản đồ hiện trạng phân bố của các loài ĐVKXS nguy cấp, quý, hiếm và trong sách đỏ Việt Nam có trong Khu bảo tồn.

c) Công tác nội nghiệp

- Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra.
- Tính toán số liệu điều tra động vật không xương sống trên tuyến điều tra.
- Phân tích, xử lý số liệu, tài liệu và các thông tin liên quan trong quá trình điều tra, khảo sát thực địa.
- Xây dựng báo cáo chuyên đề 1: Hiện trạng phân bố của loài ĐVKXS nguy cấp, quý, hiếm và trong sách đỏ Việt Nam tại Khu bảo tồn.
- \* Thu thập số liệu về đánh giá tác động đa dạng sinh học, số liệu về suy giảm tính đa dạng sinh học và các tác động tiêu cực khác đối với ĐVKXS
  - Thu thập số liệu về đánh giá tác động đa dạng sinh học.
  - Điều tra thu thập số liệu về suy giảm đa dạng sinh học và các tiêu cực khác đối với ĐVKXS.
  - Xây dựng báo cáo chuyên đề 2: Đánh giá tác động đa dạng sinh học; suy giảm đa dạng sinh học và các tiêu cực khác đối với ĐVKXS.

5.6. Xác định một số trạng thái rừng chính có phân bố tự nhiên của các loài Côn trùng có ích

a) Công tác chuẩn bị:

- Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ.
- Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ.
- Phân tích thiết kế hệ thống mẫu điều tra.
- Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật.

b) Công tác thực địa

- Xây dựng OTC điều tra trữ lượng rừng của trạng thái rừng chủ yếu (đối với từng địa hình phù hợp).
- Thực hiện các hoạt động điều tra tại một số trạng thái rừng đặc trưng cho một số loài Côn trùng đặc trưng trong Khu bảo tồn, để đánh giá sự biến đổi về số lượng cá thể, quần thể và sinh cảnh sống các loài Côn trùng rừng có ích.

c) Công tác nội nghiệp

- Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra.
- Tính toán số liệu điều tra
- Xây dựng báo cáo chuyên đề 3: Kết quả xác định một số sinh cảnh rừng chính có phân bố tự nhiên của các loài Côn trùng có ích tại Khu bảo tồn.

5.7. Giải pháp bảo tồn và phát triển các loài động vật không xương sống

- Xây dựng bản kế hoạch và đề xuất các giải pháp bảo tồn đối với các loài ĐVKXS.

+ Xây dựng bản Kế hoạch và đề xuất các giải pháp bảo tồn đối với các loài ĐVKXS nguy cấp, quý, hiếm và trong sách đỏ Việt Nam, trong đó có giải pháp cụ thể để bảo tồn các loài Côn trùng có ích tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

+ Chỉnh sửa tài liệu, hoàn thiện kế hoạch hành động.

+ Tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch và thực hiện các hoạt động giám sát thực hiện kế hoạch.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng và chính quyền địa phương các xã vùng đệm về bảo tồn các loài ĐVKXS nguy cấp, quý, hiếm và trong sách đỏ Việt Nam và các loài Côn trùng có ích.

+ Xây dựng tư liệu thông tin tuyên truyền poster, tờ gấp cho tuyên truyền bảo vệ các loài ĐVKXS nguy cấp, quý, hiếm và trong sách đỏ Việt Nam và các loài Côn trùng có ích tại Khu bảo tồn.

+ Đăng tải bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành.

+ Xây dựng báo cáo chuyên đề 4: Kết quả tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng và chính quyền địa phương các xã vùng đệm về bảo tồn các loài ĐVKXS nguy cấp, quý, hiếm và trong sách đỏ Việt Nam và các loài Côn trùng có ích.

#### 5.8. Mua sắm dụng cụ, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ

- Dụng cụ phục vụ nghiên cứu: Giày tất, đèn pin (soi đêm), võng kèm màn.

- Thiết bị máy móc phục vụ nghiên cứu: Bóng đèn cao áp năng lượng mặt trời philips-500W/P-500S; bẫy bằng chất dẫn dụ.

#### 5.9. Nghiệm thu, tổng kết nhiệm vụ

- Đánh giá được hiệu quả và các tác động của Nhiệm vụ theo các nội dung được phê duyệt của Nhiệm vụ.

- Tổng hợp, xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm vụ, báo cáo tóm tắt.

- Đánh giá, nghiệm thu các sản phẩm của nhiệm vụ theo quy định.

- Quyết toán nhiệm vụ theo quy định.

### 6. Sản phẩm dự kiến của nhiệm vụ

- Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (Kèm theo báo cáo tóm tắt).

- Hệ thống các báo cáo chuyên đề:

+ Báo cáo chuyên đề 1: Hiện trạng phân bố của loài ĐVKXS nguy cấp, quý, hiếm và trong sách đỏ Việt Nam tại Khu bảo tồn.

+ Báo cáo chuyên đề 2: Đánh giá tác động đa dạng sinh học; suy giảm đa dạng sinh học và các tiêu cực khác đối với ĐVKXS.

+ Báo cáo chuyên đề 3: Kết quả xác định một số sinh cảnh rừng chính có phân bố tự nhiên của các loài Côn trùng có ích tại Khu bảo tồn.

+ Báo cáo chuyên đề 4: Kết quả tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng và chính quyền địa phương các xã vùng đệm về bảo tồn các loài ĐVKXS nguy cấp, quý, hiếm và trong sách đỏ Việt Nam, các loài Côn trùng có ích.

- Các sản phẩm khác:

+ Kế hoạch hành động bảo tồn và đề xuất các giải pháp bảo tồn đối với ĐVKXS tại Khu bảo tồn.

+ Danh lục ĐVKXS (nhóm động vật giun; nhóm động vật thân mềm; nhóm động vật chân khớp trong đó tập trung vào các loài Côn trùng).

+ Bộ bản đồ mô phỏng các điểm ghi nhận sự phân bố của một số loài động vật không xương sống tại Khu bảo tồn (tỷ lệ 1/25.000).

+ 120 mẫu tiêu bản của 40 loài ĐVKXS phổ biến (03 mẫu/loài).

+ 01 quyển album gồm 160 bộ ảnh màu của 80 loài ĐVKXS.

+ 01 đĩa DVD lưu trữ toàn bộ tài liệu và các thông tin liên quan đến nhiệm vụ; 4.000 tờ gấp, 3.500 poster cấp phát đến cộng đồng.

+ 01 bài báo về một phần kết quả thực hiện của nhiệm vụ được đăng trên tạp chí có uy tín.

## **7. Dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ**

- Tổng kinh phí thực hiện trong 03 năm (2025-2027): 3.093.757.000 đồng (*Ba tỷ, không trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng chẵn*). Trong đó, kinh phí thực hiện năm 2025 là 1.000.000.000 đồng, đã được giao tại Quyết định số 5107/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh.

- Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh hằng năm.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định hiện hành của pháp luật (kể cả các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan đến nội dung trình nhưng chưa được đề cập tại các văn bản tham mưu, thẩm định).

2. Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm đúng quy định pháp luật hiện hành. Hằng năm, tổng hợp nhu cầu và kinh phí thực hiện nhiệm vụ, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Chịu trách nhiệm hoàn thiện đầy đủ hồ sơ về đầu tư, tài chính, bảo tồn động vật hoang dã; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, nội dung; thanh quyết toán theo quy định hiện hành. Giám đốc Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu

chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh về quá trình tổ chức, triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện đề cương nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, bảo đảm việc thực hiện đúng nội dung, tiến độ và quy định pháp luật hiện hành.

4. Sở Tài chính trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, tổng hợp, tham mưu, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán theo quy định.

5. Các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao để theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu triển khai, đánh giá và nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ nêu trên theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XI, Giám đốc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NNMT, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**